

ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 8/11/2013

nh



## TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC Viên nén <sup>Rx</sup> VINPOCETIN

**Quy cách:** Hộp 02 vỉ x 25 viên.

**Thành phần:** mỗi viên nén có chứa

Vinpocetin 5,0 mg

**Tá dược:** Lactose monohydrat, Tinh bột sắn, microcrystalline cellulose, PVP, Talc, Magnesi stearat, Aerosil 200 vừa đủ 1 viên

### Các đặc tính được lực học:

- Vinpocetin là một hợp chất có cách tác động phức hợp ảnh hưởng thuận lợi lên chuyển hoá não, tuần hoàn máu và các đặc tính lưu biến của máu.

- Vinpocetin có tác dụng bảo vệ thần kinh: nó trung hoà những tác dụng có hại của những phản ứng độc tố bào.

- Vinpocetin làm tăng tuần hoàn não một cách chọn lọc: Vinpocetin làm tăng cung cấp máu cho não, làm giảm sức kháng mạch não mà không ảnh hưởng đến huyết áp, cung lượng tim, mạch, ông gây tác dụng chiếm đoạt máu của vùng khác.

- Vinpocetin làm tăng vi tuần hoàn não: nó ức chế sự kết tập tiểu cầu, làm tăng độ biến dạng hồng cầu, và ức chế sự lấy adenosin của hồng cầu.

- Vinpocetin kích thích chuyển hoá não: Vinpocetin làm tăng thu nhận glucose và O<sub>2</sub>. Vinpocetin cải thiện sự chịu đựng tình trạng thiếu oxygen trong máu não; làm tăng luân chuyển norepinephrin và serotonin của não; kích thích hệ noradrenergic hướng lên, kết quả của tất cả những tác dụng này là vinpocetin có tác dụng bảo vệ não.

### Các đặc tính được động học:

- Vinpocetin hấp thu rất tốt qua đường uống. Sinh khả dụng qua đường uống khoảng 57%. Nửa đời sinh học sau khi uống là 5 giờ. Nồng độ tối đa trong huyết tương là 10- 20 mg/ml.

**Chỉ định:** Thuốc được dùng trong các trường hợp sau:

- Hỗ trợ điều trị liên quan đến rối loạn tuần hoàn não: rối loạn trí nhớ, khó khăn khi phát âm, không phổi hợp được các động tác, loạn vận động, choáng váng, nhức đầu.

- Hỗ trợ điều trị trong các dạng suy tuần hoàn não cấp và慢, cơ đột quỵ tiến triển, các tình trạng sau ngập máu, sau chấn thương, bệnh não do cao huyết áp.

- Hỗ trợ điều trị trong tổn thương não thiếu máu cục bộ, xơ vữa động mạch tiến triển, Vinpocetin cải thiện tuần hoàn nhánh bên.

- Hỗ trợ điều trị trong nhăn khoa, thuốc có thể dùng điều trị rối loạn mao mạch của võng mạc và mạch mạc do xơ cứng động mạch hay do co thắt mạch, điều trị thoái hóa diễm vàng và glaucome thứ phát di huyết khối tùng phan hay tắc mạch.

- Hỗ trợ điều trị trong khoa tai mũi họng, thuốc được dùng để điều trị chứng lâng tai do nguyên nhân mạch hay nhiễm độc do dùng thuốc, mất thính giác do tổn thương tế bào thần kinh thụ cảm.

### Chống chỉ định:

- Phụ nữ có thai và phụ nữ cho con bú.

**Thận trọng:**

- Chưa có thông tin.

### Liều dùng và cách dùng:

- Uống 1-2 viên/ lần, 3 lần/ ngày.

- Liều duy trì: 1 viên/ lần, 3 lần/ ngày trong thời gian dài.

### Tác dụng không mong muốn:

Các tác dụng không mong muốn rất hiếm. Hạ huyết áp tạm thời, hiếm khi nhịp tim nhanh hoặc ngoại tâm thu. Đau bụng, ợ nóng, buồn nôn, phản ứng dị ứng ngoài da, rối loạn giấc ngủ.

**Chú ý:** Thông báo cho bác sĩ tác dụng không mong muốn gấp phải khi sử dụng thuốc

**Phụ nữ có thai và cho con bú:** Không được dùng.

**Những người lái xe hay sử dụng máy móc:** được dùng

### Tương tác thuốc:

- Chưa có thông tin

### Quá liều và xử trí:

- Chưa có thông tin

**Bảo quản:** Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

**Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Tiêu chuẩn:** TCCS

*Thuốc này chỉ bán theo đơn của bác sĩ*

*Để xa tầm tay của trẻ em.*

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng*

*Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến thầy thuốc*

### Nhà sản xuất:

CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPLANTEX

358 Giải Phóng-Phương Liệt-Thanh Xuân-Hà Nội

ĐT: 04-38647416 Fax: 04-38641584

Sản xuất tại: Nhà máy Dược phẩm số 2

Trung Hậu-Tiền Phong-Mê Linh-Hà Nội

